



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

05/6/2020

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

125828/20/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

Satinique anti-dandruff shampoo

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162020139986



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):
03/4/2020
Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):
121838/20/CBMP-QLD

TUQ, CỤC TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

Satinique anti-dandruff conditioner

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162020139309



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

09/11/2021

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

160939/21/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

SATINIQUE Extra Volume Shampoo

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162021195200



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):
09/8/2019
Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):
104724/19/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Lợi

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

SATINIQUE Extra Volume Conditioner

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162019122293



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

05/6/2020

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

125827/20/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

Satinique anti-hair fall shampoo

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162020139967



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

05/6/2020

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

125846/20/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

Satinique anti-hair fall conditioner

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162020139966



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):
16/03/2020
Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):
120675/20/CBMP-QLD

TUQ, CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

**PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT**

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

**THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT**

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SATINIQUE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

SATINIQUE Scalp Tonic

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm chăm sóc tóc (Hair care products): Nhuộm và tẩy màu tóc (Hair tints and bleaches). Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc (Products for waving, straightening and fixing). Các sản phẩm định dạng tóc (Setting products). Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội) (Cleansing products (lotions, powders, shampoos)). Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils)). Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)).

Dạng sản phẩm khác:

Mã hồ sơ: 162019136724



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

09/11/2021

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

160956/21/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

G&H

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

G&H NOURISH+ Body Wash

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm dùng để tắm hoặc gội (Muối, xà phòng, dầu gội, gel, ...) (Bath or shower preparations (salts, foams, oils, gels, etc.))

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Mã hồ sơ: 162021195049



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

29/11/2021

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

162410/21/CBMP-QLD

TUQ, CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

G&H

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

G&H REFRESH+ Body Milk

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...) (Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.))

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Mã hồ sơ: 162021195194



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

09/11/2021

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

160958/21/CBMP-QLD

TUQ, CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

G&H

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

G&H REFRESH+ Body Wash - Gel

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Sản phẩm dùng để tắm hoặc gội (Muối, xà phòng, dầu gội, gel, ...) (Bath or shower preparations (salts, foams, oils, gels, etc.))

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Mã hồ sơ: 162021195197



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):
29/11/2021

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.): 162391/21/CBMP-QLD

TUQ, CỤC TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

G&H

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

G&H PROTECT+ Concentrated Hand Soap

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi, ...(Toilet soaps, deodorant soaps, etc)

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Sử dụng ngoài da. Giúp làm sạch và khử mùi hiệu quả cho da tay, dưỡng ẩm và không gây khô da.

Mã hồ sơ: 162021195051



PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

24/6/2019

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

99951/19/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Lợi

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

G&H

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

G&H PROTECT+ Deodorant & Anti-perspirant Roll-On

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

- Sản phẩm khử mùi và chống mùi (Deodorants and anti-perspirants)

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Lăn khử mùi và mồ hôi với công thức nhanh khô giúp giảm tiết mồ hôi và ngăn mùi hiệu quả lên đến 48 giờ. Công thức độc đáo phù hợp cho cả nam và nữ với các thành

Mã hồ sơ: 162019115495